

Bản án số: **05/2018/HC-PT**

Ngày: 23-4-2018

“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính về thu hồi giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán: Bà Bùi Kim Rết

Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2017/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2018/QĐPT-HC ngày 04/4/2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2013).

Địa chỉ: Đường C, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn P – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh P2 – Phó Chủ tịch UBND huyện V (Văn bản ủy quyền số 3033/UBND-NC ngày 01/8/2016).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Hải Đ (chết ngày 29/01/2017);

Nơi cư trú cuối cùng: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Nguyễn Mạnh H (chết ngày 30/3/2014), khi ông H còn sống ông Nguyễn Mạnh H bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 16/2011/VDS-ST ngày 04/8/2011.

Nơi cư trú cuối cùng: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Mạnh H:

+ Bà Phạm Thị A, sinh năm 1922 (mẹ ông H).

Địa chỉ: khu phố 1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (vợ ông H).

Địa chỉ: đường B, khu phố 6, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: khối R, Lô B, chung cư Đ, phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: khu A, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

+ Cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 2003 (con ông H, bà H1);

Người giám hộ của cháu H2: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (mẹ ruột cháu H2);

Cùng địa chỉ: đường 4, khu phố 6, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Mạnh H3, sinh năm 1998 (con ông H, bà H1).

Người đại diện theo ủy quyền của anh H3: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2016).

Cùng địa chỉ: đường 4, khu phố 6, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Hải Đ (chết ngày 29/01/2017) – Ông Đ là người giám hộ của ông H khi ông H còn sống.

Nơi cư trú cuối cùng: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hải Đ:

- Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1956 (mẹ ông Đ).

Địa chỉ: D4, khu phố 2, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm: 1974 (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2015).

Địa chỉ: 6/12, khu phố 4, phường T5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: đường 4, khu phố 6, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: D4, khu phố 2, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: 6/12, khu phố 4, phường T5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2015).

5/ Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ (D).

Người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Thanh T2 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh T3, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Tòa nhà D, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2015).

6/ Hợp tác xã dịch vụ môi trường T4.

Địa chỉ: ấp 1, xã T6, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phùng Bá H4 – Chức vụ: giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Văn L1, sinh năm: 1952

Trú tại: ấp 1, xã T6, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2015).

7/ Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1964.

Trú tại: ấp 2, xã T7, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

8/ Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm: 1922 (chết ngày 26/8/2014).

Trú tại: xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định.

9/ Ông Nguyễn Mạnh T5, sinh năm: 1974.

Trú tại: đường T, phường 6, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: P1, khu A, đường H, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo: người khởi kiện – bà Nguyễn Thị T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại hồ sơ và phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T do ông Huỳnh Thanh D đại diện trình bày:*

Ngày 13/5/2009, bà T nhận thừa kế của cha bà là ông Nguyễn Văn T6 toàn bộ diện tích đất 8.447m² thuộc thửa số 119, 5.286m² thửa số 123, 82.498m² thửa số 150 cùng tờ bản đồ số 17 xã T8, huyện V theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất số 3670 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD đã được Phòng công chứng số 01 tỉnh Đồng Nai chứng nhận ngày 13/5/2009.

Ngày 16/4/2010, UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai đã cập nhật quyền sử dụng đất của bà T trong trang tư của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay, bà T vẫn sử dụng ổn định diện tích đất nói trên và không ai tranh chấp.

Ngày 15/10/2012, bà T có nhận được Quyết định số 7872/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613764 đối với thửa đất số 119 tờ bản đồ số 17 diện tích 8.447m², AM 613765 đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ số 17 diện tích 5.286m², AM 613768 đối với thửa đất số 150 tờ bản đồ số 17 diện tích 82.498m² do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn T6 ngày 15/5/2008, cập nhật thay đổi chủ sử dụng đất sang tên Nguyễn Thị T ngày 16/4/2010.

Lý do: thực hiện theo đề nghị của Công an tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T được biết ngày 08/10/2012 UBND huyện V còn ban hành Quyết định số 7871/QĐ-UBND về việc hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613764 đối với thửa đất số 119 tờ bản đồ số 17 diện tích 8.447m², AM 613765 đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ số 17 diện tích 5.286m², AM 613768 đối với thửa đất số 150 tờ bản đồ số 17 diện tích 82.498m² do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn T6 ngày 15/5/2008.

Lý do: thực hiện theo đề nghị của Công an tỉnh Đồng Nai.

Không đồng ý với Quyết định số 7871/QĐ-UBND và 7872/QĐ-UBND cùng ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ 02 quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thành D biết được ngày 13/7/2017, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3177/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 7871/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện V. Ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện, UBND huyện V trình bày:*

- Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Mạnh H:

Ngày 25/9/2003, ông H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 có đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 60.720m², gồm thửa đất số 203, diện tích 1.797m², thửa số 204, diện tích 2.170m², cùng tờ bản đồ số 9 (cũ) và thửa số 10 diện tích 56.753m² tờ bản đồ số 12 (cũ) xã T8. Ngày 10/11/2003, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 531228 cho hộ ông Nguyễn Mạnh H đối với diện tích đất nêu trên.

Ngày 09/8/2007, ông Nguyễn Mạnh H làm hợp đồng ủy quyền cho bà H1 được quyền thay mặt và nhân danh ông H quản lý, sử dụng, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất của ông H đối với các thửa đất nêu trên theo những quy định

hiện hành và thời hạn ủy quyền là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng (hợp đồng công chứng số 533 quyền số 02/TP/SCC/HĐGD).

Ngày 14/8/2007, bà H1 đại diện cho ông H ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T6 (ông T6 là cha của bà H1) toàn bộ diện tích đất nêu trên (hợp đồng được UBND xã T8 ký xác nhận số 44 quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD).

Ngày 15/8/2007, ông T6 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích ông T6 đăng ký là 96.231m², gồm thửa đất số 119, diện tích 8.447m², thửa đất số 150, diện tích 82.498m², thửa đất số 123, diện tích 5.286m², tờ bản đồ số 17 xã T8. Ngày 15/5/2008, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613764, AM 613768, AM 613765 nguồn gốc ông T6 ghi trong đơn nhận chuyển nhượng của 3 người gồm ông Nguyễn Mạnh H, ông Nguyễn Quốc P3 và ông Ngô Hoài D1.

Ngày 13/5/2009, các con của ông Nguyễn Văn T6 có bản thỏa thuận phân chia di sản tại Phòng công chứng M, tỉnh Đồng Nai với nội dung bà Nguyễn Thị T là chị gái của bà H1 được thừa kế diện tích đất nêu trên. Ngày 16/4/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V đã chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613764, AM 613768, AM 613765 từ tên ông Nguyễn Văn T6 qua tên bà Nguyễn Thị T.

- Kết quả kiểm tra, xác minh và đề nghị của Công an tỉnh Đồng Nai:

Ngày 02/12/2011, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế (PC46) Công an tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 3225/CAT-PC46 với nội dung xác định ông Nguyễn Mạnh H bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, mất khả năng nhận thức từ năm 2006. Ngày 09/8/2007, bà Nguyễn Thị Thanh H1 là vợ của ông H đến Văn phòng luật sư Trần Gia Minh để thuê tư vấn hợp đồng ủy quyền về tài sản, do ông H bị bệnh nên ông Minh yêu cầu phải có giấy chứng nhận của bệnh viện về tình trạng sức khỏe của ông H, bà H1 đã đưa ông H đi khám tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai và được xác nhận ông H đủ sức khỏe lập di chúc. Cùng ngày tại Phòng công chứng M tỉnh Đồng Nai ông H đã điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền cho bà H1 toàn quyền được quản lý, sử dụng, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho thửa đất số 203, 204, tờ bản đồ số 9 và thửa đất số 104 tờ bản đồ số 12 xã T8.

Từ hợp đồng ủy quyền trên, ngày 14/8/2007, bà H1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn T6 là cha ruột của bà H1 với giá 1,2 tỉ đồng. Ngày 15/5/2008, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613768 cho ông Nguyễn Văn T6 đối với thửa đất số 150, diện tích 82.498m², tờ bản đồ số 17 xã T8 (đây là thửa đất mới được nhập từ các thửa đất số 90, 92, 93, 104, 202, 203, 204 thuộc tờ bản đồ số 9 và 12). Việc mua bán, thanh toán hoàn tất.

Theo biên bản giám định pháp y tâm thần số 75/PYTT-PVPN ngày 29/01/2011 của Viện giám định pháp y tâm thần TW – Phân viện phía Nam kết luận ông H mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ điểm 2 Điều 8 của Luật công chứng quy định “Người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự...” do vậy hợp đồng ủy quyền được ký ngày 09/8/2007 tại Phòng Công chứng M, tỉnh Đồng Nai về việc ông H ủy quyền cho bà H1 là không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Phòng PC 46 thông báo UBND huyện V biết xem xét, giải quyết xử lý theo đúng thẩm quyền, kết quả thông báo cho Phòng PC 46 được biết bằng văn bản”.

Ngày 18/4/2012, UBND huyện V có Văn bản số 1119/CV-UBND về việc phúc đáp Văn bản số 3225/CAT-PC46 ngày 02/12/2011 của Công an tỉnh Đồng Nai với nội dung UBND huyện V đề nghị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế PC46 có kết luận điều tra xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp là trái quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2012, Công an tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 1423/CAT-PC46 và ngày 08/8/2012, Công an tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 1592/CAT-PC46 gửi Chủ tịch UBND huyện V về việc trả lời xác minh với nội dung như sau:

“1. Kết quả điều tra, xác minh phát hiện có dấu hiệu làm giả hồ sơ ra công chứng để hợp pháp hóa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Mạnh H chuyển nhượng cho ông T6 và ông T6 ủy quyền thừa kế cho bà T.

2. Qua kết quả giám định pháp y tại Viện pháp y tâm thần Trung ương II xác định trước và sau vụ việc ông H mất trí. Tại thời điểm bà H1 làm hồ sơ sang nhượng mua bán lô đất thì ông H bị mất năng lực hành vi dân sự nên việc ký ủy quyền của ông H cho các đương sự liên quan là không có giá trị pháp lý.

3. UBND huyện V căn cứ Nghị định số 88 của Chính phủ (đính chính thu hồi đối với giấy chứng nhận cấp trái pháp luật) để xử lý theo thẩm quyền.

Từ cơ sở trên Công an tỉnh Đồng Nai đề nghị UBND huyện V thu hồi và hủy các quyết định đã cấp trái pháp luật, gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 581228 cấp ngày 10/11/2003 và số AM 613764, AM 613768, AM 613765 cấp cùng ngày 15/5/2008 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Mạnh H theo quy định.”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 211/BC.TNMT ngày 02/10/2012 với nội dung kiến nghị UBND huyện V ban hành quyết định thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của Công an tỉnh Đồng Nai như đã nêu trên để xét cấp lại theo quy định.

Ngày 08/10/2012, UBND huyện V ban hành các Quyết định số 7871/QĐ-UBND và 7872/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/7/2017, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3177/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 7871/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện V. Lý do thu hồi: Quyết định số 7871/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện V ban hành trái quy định của pháp luật.

Kết luận: Việc UBND huyện V ban hành Quyết định số 7872/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 là để thực hiện Văn bản số 1423/CAT-PC46 ngày 19/6/2012 và Văn bản số 1592/CAT-PC46 ngày 08/8/2012 của Công an tỉnh Đồng Nai. Đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Ngọc L do ông Nguyễn Duy T1 đại diện trình bày trình bày:

Về nguồn gốc đất: Tổng diện tích đất 96.231m² gồm các thửa 119 diện tích 8.447m², thửa số 150, diện tích 82.498m², thửa số 123 diện tích 5.286m² từ bản đồ số 17 xã T8 có nguồn gốc do ông Nguyễn Mạnh H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc P3, ông Võ Đức H6, ông Võ Văn B và ông Ngô Hoài D1. Đến ngày 25/9/2003, ông H làm đơn đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 60.720m² gồm các thửa 203 diện tích 1.797m², thửa số 204 diện tích 2.170m² từ bản đồ số 9 (cũ) xã T8, thửa số 10, diện tích 56.753m² từ bản đồ số 12 (cũ) xã T8 đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 531228 ngày 10/11/2003, cho hộ ông Nguyễn Mạnh H đối với diện tích đất trên.

Sau khi ông H bị bệnh không thể làm chủ được hành vi, không thể tự lo cho bản thân (mất năng lực hành vi dân sự) trong khi đó bà Nguyễn Thị Thanh H1 là vợ sau của ông H đã không làm tròn trách nhiệm của người vợ, không chăm sóc cho ông H nên ông Đ đã yêu cầu TAND TP.Biên Hòa tuyên ông H mất năng lực hành vi dân sự và ông Đ là người giám hộ cho ông H. Qua liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền cụ thể là UBND xã T8, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh V, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V thì được biết ngày 09/8/2007 ông H đã làm thủ tục ủy quyền cho bà H1 được quyền thay mặt và nhân danh ông H quản lý, sử dụng, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất của ông H đối với các thửa đất nêu trên theo quy định hiện hành và thời hạn ủy quyền là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng và đến ngày 14/8/2007, bà H1 đã đại diện ông H ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T6 (ông T6 là cha của bà H1) toàn bộ diện tích đất nêu trên (hợp đồng được UBND xã T8 ký xác nhận số 44 quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD). Hiện nay toàn bộ diện tích đất mà UBND huyện V công nhận cho gia đình ông Đ

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh V đã chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 613764, AM 613768, AM 613765 do UBND huyện V cấp ngày 15/5/2008 từ tên ông Nguyễn Văn T6 qua tên bà Nguyễn Thị T (bà T là chị ruột của bà H1).

Từ những cơ sở nêu trên ông Đ khẳng định các hợp đồng nêu trên là trái với quy định của pháp luật vì hợp đồng ủy quyền được ký sau khi ông H bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, mất năng lực nhận thức (ông H bị tai biến mạch máu não liệt nửa người từ năm 2006) thể hiện tại Văn bản số 3225/CAT-PC46 ngày 02/12/2011 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế PC 46 Công an tỉnh Đồng Nai trong văn bản xác định ông H bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, mất khả năng nhận thức từ năm 2006. Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất trên UBND huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Mạnh H không phải cấp cho riêng cá nhân ông H, trong khi ông Đ là người có tên trong hộ khẩu chung với ông H nhưng ông Đ không hề hay biết về việc ủy quyền trên và trong hợp đồng ghi tên ông H nhưng chữ ký của ông H là không đúng với quy định của pháp luật (đây là hành vi tẩu tán tài sản của bà H1).

Kết quả điều tra, xác minh và đề nghị của Công an tỉnh Đồng Nai ông xin cung cấp như sau:

- + Văn bản số 3225 ngày 02/12/2011 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế PC 46 Công an tỉnh Đồng Nai.

- + Biên bản giám định pháp y tâm thần số 75 ngày 29/01/2011 của Viện giám định pháp y tâm thần TW – phân viện phía Nam.

- + Văn bản số 1423 ngày 19/6/2012 và Văn bản số 1592 ngày 08/8/2012 của Công an tỉnh Đồng Nai gửi Chủ tịch UBND huyện V trong đó có nội dung như sau:

“1. Kết quả điều tra xác minh phát hiện có dấu hiệu làm giả hồ sơ ra công chứng để hợp pháp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Mạnh H chuyển nhượng cho ông T6 và ông T6 ủy quyền thừa kế cho bà T.

2. Qua kết quả giám định tại Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương II xác định trước, trong và sau vụ việc ông H mất trí. Tại thời điểm bà H1 làm hồ sơ sang nhượng mua bán lô đất thì ông H mất năng lực hành vi dân sự nên việc ký ủy quyền của ông H cho các đương sự liên quan là không có giá trị pháp lý.

3. UBND huyện V căn cứ Nghị định số 88 của Chính Phủ (đính chính thu hồi đối với giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật) để xử lý theo thẩm quyền.

Từ cơ sở trên Công an tỉnh Đồng Nai đề nghị UBND huyện V thu hồi và hủy các quyết định đã cấp trái pháp luật gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 581228 cấp ngày 10/11/2003 và số AM 613764, AM 613768, AM 613765 cấp ngày

15/5/2008 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Mạnh H theo luật định.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 7872/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đình theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông Đ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T công nhận quyết định nêu trên của UBND huyện V.

- Bà *Phạm Thị A* trình bày: Bà là mẹ ruột của ông H. Nội dung sự việc dẫn đến khởi kiện vụ án như thế nào thì bà không biết. Qua yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đã lớn tuổi nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Bà *Nguyễn Thị Thanh H1* đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, đại diện theo pháp luật của con ông H và bà H1 là *Nguyễn Mạnh H2* trình bày:

Bà là vợ của ông H. Bà và ông H kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 12/6/1998. Bà và ông H có hai người con *Nguyễn Mạnh H3* và *Nguyễn Mạnh H2*. Quá trình chung sống, năm 2003, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T8, huyện V, tỉnh Đồng Nai của các ông bà *Ngô Hoài D1*, *Nguyễn Thị L1*, *Võ Đức H6*, *Nguyễn Quốc P3*.

Năm 2007, vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông *Nguyễn Văn T6* diện tích đất là 60.720m² gồm các thửa 203, 204, 104 tờ bản đồ số 9 và 12 xã T8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 531228 do UBND huyện V cấp ngày 10/11/2003. Việc chuyển nhượng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (theo hợp đồng ủy quyền số 533 ngày 09/8/2007, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 44 ngày 14/8/2007).

Ngày 30/3/2014, ông *Nguyễn Mạnh H* chết.

Nhận thấy các Quyết định số 7871/QĐ-UBND và Quyết định số 7872/QĐ-UBND của UBND huyện V ban hành để hủy bỏ và thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông *Nguyễn Văn T6* và bà *Nguyễn Thị T* là không đúng pháp luật nên đề nghị hủy bỏ.

- Anh *Nguyễn Mạnh H3* do ông *Huỳnh Thanh D* đại diện trình bày: Anh là con của ông *Nguyễn Mạnh H* và bà *Nguyễn Thị Thanh H1*. Anh có nhận được thông báo của Tòa án về việc đang thụ lý và giải quyết vụ án khởi kiện quyết định hành chính của bà *Nguyễn Thị T* kiện UBND huyện V về các Quyết định số 7872/QĐ-UBND và 7871/QĐ-UBND để thu hồi và hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AM 613764, AM 613768, AM 613765 do UBND huyện V cấp cho bà T ngày 15/5/2008.

Anh không có ý kiến gì về các quyết định trên của UBND huyện V cũng như đơn khởi kiện của bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ do ông Trần Minh T3 đại diện trình bày:*

Ngày 19/4/2011, Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ (tên viết tắt là DonoCoop) và ông Nguyễn Mạnh H ký biên bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã T8, huyện V với nội dung như sau: Hai bên đồng ý thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Mạnh H đứng tên:

- Diện tích đất chuyển nhượng là 108.000m² gồm các thửa 104 tờ bản đồ số 09, 203, 204 tờ bản đồ số 12 xã T8.

- Nguồn gốc đất: đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 531228 ngày 10/11/2003.

- Tài sản gắn liền trên đất: hoa màu – tài sản trên đất.

- Giá thỏa thuận: 4.500.000.000 đồng

Ngày 19/4/2011, Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ đã chi tạm ứng cho ông H số tiền 1.500.000.000 đồng, chuyển tên qua tài khoản là bà Nguyễn Ngọc L, số tài khoản 75303019 tại Ngân hàng A.

Ngày 29/11/2011, Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ đã ký hợp đồng cho mượn quyền sử dụng đất với HTX dịch vụ môi trường T4 để tạm chứa và xử lý rác trong thời gian chờ Khu xử lý rác V đi vào hoạt động, cụ thể:

- Thửa đất mượn: 150 (thửa mới) tờ bản đồ số 17 xã T8;

- Diện tích: 8.000m²

Vì vậy, đối với phần đất mà HTX DV – MT T4 đang sử dụng và diện tích đất còn lại thuộc quyền sở hữu của Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ. Hiện nay bà T yêu cầu hủy bỏ các Quyết định số 7871/QĐ-UBND và 7872/QĐ-UBND cùng ngày 08/10/2012 của UBND huyện V là không có căn cứ.

- *Hợp tác xã dịch vụ môi trường T4 do ông Phùng Bá H4 trình bày:* HTX dịch vụ môi trường T4 đi vào hoạt động tháng 01/2006 trong đó ngành nghề kinh doanh là thu gom rác thải, rác sinh hoạt, rác thải công nghiệp,...

Từ ngày 24/10/2011, HTX dịch vụ môi trường T4 có hợp đồng mượn 01 phần đất khoảng 8.000m² của Liên hiệp HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ (tên viết tắt là DonoCoop) tại ấp T, xã T8, huyện V để làm bãi rác tạm. Sau khi ký hợp đồng hai bên đã nhận bàn giao đất và đưa vào sử dụng đến tháng 11/2015, HTX dịch vụ môi trường T4 không sử dụng diện tích đất trên nữa và bàn giao trả lại đất cho D.

Trong quá trình sử dụng đất này để chứa rác thì được Tòa án mời mới biết đang có khiếu kiện giữa bà T với UBND huyện V. Do nay không còn liên quan đến đất này nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Bà Phạm Thị C trình bày: Nguồn gốc các thửa đất trên như thế nào bà không biết. Khoảng năm 2012 do đất này gần nhà bà nhưng bỏ trống thấy tiếc mà bà đang cần đất canh tác nên bà nói anh S (tên thường gọi là C2 con của bà) kiếm chủ hỏi hợp đồng trồng tràm. Một ngày sau anh S nói đã liên hệ với Phùng Khắc H7, sinh năm: 1980 trú tại: ấp B, xã T8, huyện V để H7 liên hệ với chủ đất và sau đó H7 đã liên hệ được với chủ đất nên bà và H7 hợp đồng trồng Tràm lai với phương thức bà chịu toàn bộ chi phí, vốn, nhân công còn chủ đất chỉ bỏ đất sau này thu hoạch ăn chia 50/50, đất vẫn của chủ đất. Bà cũng không biết H7 đã liên hệ với ai nhưng H7 nói trồng thì bà trồng. Bà đã bỏ 60.000.000 đồng – 70.000.000 đồng thuê công phát, dọn, ủi, mua giống, thuê công trồng,... cho đến nay tràm đã được 2 năm tuổi. Tiền bỏ ra là của bà, còn anh S là con bà chỉ phụ bà trồng, chồng bà tên Trần Văn Đ1 bị tai biến liệt nửa người không làm gì được 11 năm nay. Khi trồng và chăm sóc thì H7 có bỏ ra 5.000.000 đồng để phụ bà trồng còn lại là bà bỏ chi phí. Tổng diện tích bà trồng Tràm bà không biết bao nhiêu nhưng bà thấy rất rộng. Ngoài ra bà thấy trên đất có 03 ao cá, bãi rác nhưng không biết là của ai. Bà cũng không đầu tư, liên quan gì đến ao cá, bãi rác. Diện tích ao và bãi rác là bao nhiêu thì bà không biết. Đất trồng Tràm, ao, bãi rác thuộc thửa số mấy trong các thửa đất trên thì bà không biết. Bà không biết gì về H7 chỉ biết H7 là bạn của S con bà. H7 quan hệ như thế nào với chủ đất thì bà cũng không biết chỉ nghe anh S nói trồng thì bà trồng. Khi bà và H7 trồng Tràm chung với nhau không lập giấy tờ, hợp đồng gì. Bà cũng nói H7 làm giấy tờ nhưng H7 cứ làm lơ.

Sau khi trồng Tràm được hai tháng thì ông D. Đến gặp bà nói ông D là chủ đất, ông D có đưa ra sổ đỏ thì lúc đó H7 mới thừa nhận H7 không phải là chủ đất và không liên hệ gì với chủ đất. Sau đó, ông D nói chỉ đồng ý hùn trồng Tràm với bà không đồng ý hùn với H7 nên bà, H7 và ông D thỏa thuận bà đưa cho anh H7 8.000.000 đồng xem như việc hùn vốn giữa bà với anh H7 kết thúc. Bà với ông D hùn vốn với nhau cũng với phương thức đất của ông D, bà bỏ toàn bộ chi phí sau này bán Tràm chia 50/50. Như vậy phần hùn trồng tràm trên đất hiện nay là của bà với ông D, không liên quan đến ai khác. Khi hùn giữa bà với ông D có lập giấy tờ. Còn bà không biết bà L là ai khoảng 1 tuần nay bà L gọi điện cho bà nói bà L là chủ đất chứ không phải ông D.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đất thì bà không tranh chấp. Riêng số Tràm trên đất sau khi Tòa án xét xử, nếu đất

của ai thì bà đề nghị tiếp tục hùn vốn với người đó để hết chu kỳ Trăm 4 năm chia phần hùn (còn 2 năm nữa). Sau đó tính tiếp hùn nữa hay không. Nếu không đồng ý thì thanh toán giá trị phần hùn cho bà theo giá Tòa án định.

- Ông Nguyễn Văn H5 và ông Nguyễn Mạnh T5 thống nhất trình bày: Hai ông có nhận được thông báo của Tòa án về việc đang thụ lý và giải quyết vụ án khởi kiện quyết định hành chính của bà Nguyễn Thị T kiện UBND huyện V về việc thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T tại xã T8, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nay hai ông đề nghị Tòa án không đưa hai ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bởi vì ngày 22/4/2009 hai ông đã có đơn từ chối nhận tài sản thừa kế với tất cả mọi tài sản do ông Nguyễn Văn T6 mất ngày 20/02/2009 để lại, trong đó có quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị T nhận thừa kế từ ông Nguyễn Văn T6 tại xã T8, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Đề nghị trên của hai ông là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hai ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời đề nghị trên.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 20/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 7871 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 7872 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/8/2017 bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy bỏ quyết định 7871, 7872 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

* *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục cấp tổng đạt văn bản cho bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Mạnh T5, ông Nguyễn Văn H5, không hiện việc ông H5 đã chết để đưa những người thừa kế của ông H5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành cả ba quyết định 7871, 7872 ngày 08/10/2012 và

quyết định 3177 ngày 13/7/2017 của UBND huyện V và chỉ xem xét và giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện với 02 quyết định 7871, 7872 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V là vi phạm khoản 1, Điều 6, Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ như kết luận giám định với ông Nguyễn Mạnh H, hiệu lực của quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự với ông H. Do đó đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa đều tổng đạt không thành công cho bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Văn H5, ông Nguyễn Mạnh T5.

[3.1] Qua xác minh cho thấy, bà A đã bán nhà, bỏ địa phương đi từ năm 2016, từ trước khi Tòa án sơ thẩm xét xử, hiện nay Chính quyền địa phương không biết bà A chuyển đi cư trú ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, thông báo hoãn phiên họp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cho bà A. Khi tổng đạt Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà A, Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định địa chỉ nơi bà A cư trú là khu phố 1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) và ông Huỳnh Thanh D (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) cam kết giao lại (bút lục 598, 615), hai người này không cư trú cùng địa chỉ với bà A.

[3.2] Đối với ông Nguyễn Mạnh T5, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa Vũng Tàu đã thực hiện nội dung ủy thác của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và xác minh nơi cư trú của ông T5 tại địa chỉ đường T, phường S (nay là phường T9), thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên ông T5 đã bỏ đi khỏi địa chỉ trên khoảng 6-7 năm, không rõ địa chỉ đến. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn

giải quyết vụ án và không tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T5. Cụ thể, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt cho ông T5 (bút lục 513, 524, 568), thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Huỳnh Thanh D (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) và bà Nguyễn Thị Thanh H1 (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) cam kết giao lại (bút lục 584, 599, 616), hai người này không cư trú cùng địa chỉ với ông T5.

Việc bà A và ông T5 bỏ đi khỏi nơi cư trú và không thông báo cho Tòa án biết về địa chỉ mới thì Tòa án cấp sơ thẩm lẽ ra phải xác minh đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai hoặc thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 177 BLTTDS. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt và tổng đạt cho ông D, bà H1 là những người không cùng nơi cư trú nhận thay và cam kết giao lại là vi phạm thủ tục cấp tổng đạt cho đương sự quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS.

[3.3] Đối với ông Nguyễn Văn H5, khi Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tổng đạt Thông báo thụ lý cho ông H5 thì được biết ông H5 đã chết và gia đình từ chối nhận thay. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tiến hành xác minh và được UBND xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định cung cấp giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn H5 đã chết từ ngày 26/8/2014. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết vụ án và không tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H5. Cụ thể, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt cho ông H5 (bút lục 513, 524, 568), thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Huỳnh Thanh D (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) và bà Nguyễn Thị Thanh H1 (địa chỉ: đường B, khu phố S, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh) cam kết giao lại (bút lục 585, 600, 617), hai người này không cư trú cùng địa chỉ với ông H5. Tòa án cấp sơ thẩm đã không tổng đạt văn bản và tổng đạt không hợp lệ là giao cho ông D, bà H1 là những người không cùng nơi cư trú nhận thay và cam kết giao lại cho ông H5 nên không phát hiện việc ông H5 đã chết để đưa những người thừa kế của ông H5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông.

[4] Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đối với Quyết định số 7871 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 7872 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V về việc thu hồi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/7/2017 UBND huyện V ban hành Quyết định số 3177 về việc thu hồi Quyết định 7871 ngày 08/10/2012 của UBND huyện V. Lý do thu hồi: nội dung của Quyết định số 7871/QĐ-UBND không phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm Quyết định được ban hành. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành cả ba quyết định trên. Việc cấp sơ thẩm chỉ xem xét và giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện với hai Quyết định 7871 và 7872 là vi phạm khoản 1 Điều 6 Luật tổ tụng hành chính, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5] Về thu thập chứng cứ: tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện khiếu nại việc trưng cầu giám định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai; khiếu nại biên bản giám định của Cơ quan điều tra và đề nghị giám định lại: Việc có hay không có kết luận giám định và những mâu thuẫn trong quá trình tiến hành giám định mà bà T đã nêu trong đơn khiếu nại là những tình tiết và những chứng cứ quan trọng cần phải được xác minh, thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm dù có hay không có yêu cầu của đương sự, bởi lẽ đây là những chứng cứ dùng làm căn cứ để UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho người khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm còn phải làm rõ hiệu lực của Quyết định giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố người mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đối với ông Nguyễn Mạnh H, do hồ sơ ông Đ cung cấp thể hiện quyết định chưa có hiệu lực pháp luật (bút lục 104-105). Đồng thời cần làm rõ có hay không có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật tuyên bố các giao dịch dân sự gồm hợp đồng ủy quyền giữa ông H với bà H1, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H1 với ông Nguyễn Văn T6, văn bản thỏa thuận phân chia di sản giữa ông T6 và các con ngày 13/5/2009 bị vô hiệu hay có hiệu lực pháp luật mới có đủ căn cứ vững chắc khẳng định UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T là đúng hay sai.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000đ theo biên lai thu tiền số 000566 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

[7] Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện.

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 000566 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh (01);
- Tòa án H.Vĩnh Cửu (01);
- Thị hành án H.V (01);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thành Dương